

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày : 22 -02- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Hồ Thị Hồng Phương – Nguyên bí thư huyện Đoàn.

Ông Nguyễn Ngọc Bờ - Cán bộ về hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 1987 tại An Giang; Nơi cư trú: Ấp Khánh Châu, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo phật giáo Hòa Hảo; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Nguyễn Văn Tâm, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Xuyên (chết); Chị, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất; có chồng là Lương Phước L, sinh năm 1986; có hai con, lớn nhất 14 tuổi, nhỏ nhất 11 tuổi;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ, không đi học và làm thuê cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 13/7/2015. Địa chỉ: Tổ 04, ấp Khánh Lợi, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 04, ấp Khánh Lợi, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. (vắng)

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khóm Xuân Biên, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. (vắng)

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Ngọc Y:
Luật sư Hồ Hoàng Phương – cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Những người làm chứng:*

- Bà Phan Thị T, sinh năm 1987; (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 2005;(vắng)

- Ông Trương Văn Kh, sinh năm 1976;(vắng)

- Ông Lương Phước L, sinh năm 1986;(vắng)

- Bà Phạm Thị Sách, sinh năm 1969. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01/9/2020, Nguyễn Thị Ái N dẫn Lương Phước Đăng (con ruột của N) đến Trường tiểu học “C” Khánh Hòa thuộc xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, để làm thủ tục nhập học cho Đăng. Tại đây, N và Đăng vào căn tin của trường ngồi ăn; cùng lúc Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2015 đến xin thức ăn nên N cho Yến thức ăn. Thấy Y đi lang thang một mình, N hỏi Phan Thị T (người bán hàng trong căn tin) “*Bé Y là con của ai, sao đi lang thang một mình vậy*”; T trả lời “*Y là con của Nguyễn Hữu D nhà ở phía sau trường học, cha mẹ đã ly hôn, cha của Y thường xuyên uống rượu say, nên bỏ Y đi lang thang, không chăm sóc và không cho đi học*”; N nói với T để xin Y về nuôi, T nói “*Nhiều người xin nuôi Y nhưng D không cho*”. Lúc này, N hỏi Y “*Con chịu làm con nuôi của Cô không*”; Y trả lời “*Dạ chịu*” thì N dẫn Y về nhà tại ấp Khánh Châu, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú.

Đến 11 giờ cùng ngày, N nhờ Nguyễn Thị Cẩm L (cháu chòng của N) chở N và Y đi mua quần áo cho Y, N kể cho L biết hoàn cảnh của Y và nói khi nào gia đình Y đi tìm thì điện thoại cho N sẽ đưa Y về giao lại cho gia đình Y. Sau đó, N cùng Y đến thành phố Hồ Chí Minh thì Lương Phước L (chồng của N) ra rước gặp N và Y nên hỏi N: “*Y là con của ai*”, N kể cho L nghe về hoàn cảnh của Y và nói tự ý dẫn Y đi theo để làm con nuôi mà không xin ý kiến gia đình Y. L không đồng ý và kêu N dẫn Y về giao lại cho gia đình Y; cùng lúc L điện thoại cho N nói gia đình Y đang tìm Y, nên N đưa Y về giao lại cho Nguyễn Hữu D (cha ruột Y).

Bị hại Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày: Phù hợp với trình bày của bị cáo, do cha của Ngọc Y thường uống rượu không chăm sóc Ngọc Y, bị cáo N đã cho

Ngọc Y thức ăn, quần áo nên Ngọc Y thương bị cáo N và tự nguyện đi theo bị cáo N.

Ông Nguyễn Hữu D đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Ông là cha ruột của Nguyễn Thị Ngọc Y, ông với bà M (mẹ ruột Y Nhi) đã ly hôn, Y Nhi sống chung với ông. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/9/2020, Ngọc Y có xin ông đi chơi trong xóm, ông đi uống rượu say về nhà ngủ đến khoảng 18 giờ 30 phút không gặp Ngọc Y về nên hỏi bà Phạm Thị Sách thì bà Sách nói có nhìn thấy L chở bị cáo N và Ngọc Y đi hướng Châu Đốc. Do đó, ông đến Công an xã Khánh Hòa trình báo, khoảng 03 giờ 00 phút ngày 02/9/2020 bị cáo N dẫn Ngọc Y về giao trả lại cho ông tại nhà. Bị cáo N dẫn Ngọc Y mà không có ý kiến của ông, ông yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật. không có yêu cầu về dân sự.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Bà với ông D sống chung 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn, có con chung là Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh ngày 13/7/2015. Sau khi sinh Ngọc Y thì bà với ông D ly hôn nên chưa làm khai sinh cho Ngọc Y, bà giao Ngọc Y cho ông D chăm sóc. Bà yêu cầu xử lý bị cáo N theo quy định của pháp luật. không có yêu cầu về phần dân sự

Những người làm chứng Phạm Thị Sách, Phan Thị T, Nguyễn Thị Cẩm L, Trương Văn Kh, Lương Phước L: Trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS.CP ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ái N về tội “*Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi*”, theo khoản 1 Điều 153 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Thị Ái N thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung nêu trên và nói lời nói sau cùng xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, bị cáo đã nhận thức được việc làm sai trái của mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại trình bày: mặc dù xuất phát từ ý muốn nhận nuôi cháu Y, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang lo sợ cho gia đình cháu Y và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, được ý kiến của người đại diện hợp pháp của cháu Y là ông D cũng xin giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, với mức hình phạt do đại diện VKS đề nghị tại phiên tòa hôm nay cũng là tương xứng với hành vi của bị cáo, do đó đề nghị HĐXX có quan tâm xem xét

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú trình bày lời luận tội, giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo, cụ thể:

- Áp dụng Điều 38; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; khoản 1 Điều 153 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ái N từ 02 năm đến 03 năm tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 4 đến 5 năm.

- Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền: Bị cáo bị VKS truy tố về tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi thuộc khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt là 7 năm, đây là tội nghiêm trọng; hành vi được thực hiện tại xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy tại khoản 1 Điều 268 và khoản 1 Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Đối với người tham gia tố tụng: người đại diện hợp pháp của người bị hại, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, họ đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định vào ngày 01/9/2020 bị cáo Nguyễn Thị Ái N đã có hành vi dùng thủ đoạn dụ dỗ làm con nuôi, cho thức ăn, quần áo đẹp Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2015 để chiếm đoạt Nguyễn Thị Ngọc Y.

Thấy rằng, bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được việc dùng thủ đoạn dụ dỗ, chiếm giữ cháu Y là người dưới 16 tuổi đến ở với mình mà không có sự đồng ý của cha mẹ, người giám hộ của người đó là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện; hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền nhân thân của người khác, đã cấu thành tội "*Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi*" theo quy định tại khoản 1 Điều 153 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 153. Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác chiếm giữ hoặc giao cho người khác chiếm giữ người dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

[5] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Khi thấy bị hại đi lang thang một mình và tuổi còn khá nhỏ, không người trông giữ nên Bị cáo đã lợi dụng sự non nớt của bị hại, dùng thức ăn, quần áo đẹp để dụ dỗ bị hại đi cùng với bị cáo về làm con nuôi của bị cáo. Chỉ vì để thỏa mãn ý muốn của bản thân là có con gái để nuôi mà bị cáo bất chấp sự lo lắng, suy nghĩ của những người thân của bị hại, chiếm giữ bé Y, chứng tỏ sự xem thường pháp luật của bị cáo, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, trong vụ việc này cần phải xem xét đến sự lơ là, thiếu quan tâm chăm sóc của cha mẹ, người thân của bị hại, tạo điều kiện để tội phạm thực hiện; khi đưa bé Y đi thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo có dặn lại đối với L là khi nào thấy gia đình bé Y đi tìm thì báo với bị cáo để bị cáo mang bé Y về trả, điều này chứng tỏ bị cáo vẫn còn nhận thức được hành vi giữ bé Y của mình là sai, khi gia đình bé Y đi tìm thì phải mang bé Y giao lại. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc các tình tiết này.

[6] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi biết được người nhà tìm kiếm bị hại, bị cáo đã tự nguyện dẫn bị hại về giao trả cho gia đình bị hại để khắc phục hậu quả đã gây ra là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, lý lịch rõ ràng, trong thời gian thực hiện bị pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đã thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của người bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật cũng có phần hạn chế. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết này để áp dụng tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo.

Căn cứ vào các quy định pháp luật, các yếu tố nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi của bị cáo. HĐXX quyết định áp dụng Điều 54 BLHS xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, xử phạt bị cáo 2 (hai) năm tù. Tuy nhiên, HĐXX thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1, 2 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và xét thấy không cần thiết phải chấp hành hình phạt tù và việc này không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách là 4 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[7] Bị cáo không nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[9] Về vật chứng vụ án: Không có.

[10] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Ái N phạm tội “Chiếm đoạt người dưới 16 tuổi”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 153; Điều 38; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ái N: 02 (hai) năm tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày 22/02/2021.

Giao người được hưởng án treo Nguyễn Thị Ái N cho UBND xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục; Gia đình người được hưởng án treo phải phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người được hưởng án treo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Khánh Hòa;
- CA, VKS huyện CP;
- Tòa án tỉnh AG;
- Sở Tư pháp tỉnh AG;
- CCTHADS H.Châu Phú;
- Lưu HS – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Vũ